

Số: /QĐ-UBND

Hải Dương, ngày tháng 9 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa
thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Y tế**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của
Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày
07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị
định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của
Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát
thủ tục hành chính;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 399/TTr-SYT ngày 26
tháng 8 năm 2021.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo quyết định này danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Y tế, cụ thể:

1. Danh mục thủ tục hành chính đã được công bố chuẩn hóa: Chi tiết có Phụ lục I đính kèm 147 thủ tục hành chính (trong đó có 115 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh, 01 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã, 31 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ sở khám chữa bệnh và cơ quan khác).

2. Danh mục thủ tục hành chính công bố chuẩn hóa: Chi tiết có Phụ lục II đính kèm 33 thủ tục hành chính (trong đó có 11 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh, 03 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện, 01 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã, 18 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ sở khám chữa bệnh và cơ quan khác).

Điều 2. Trách nhiệm thực hiện

1. Sở Y tế có trách nhiệm thực hiện, hướng dẫn UBND các huyện, thị xã, thành phố và chỉ đạo các cơ sở khám chữa bệnh, các cơ quan liên quan trên

địa bàn tỉnh giải quyết thủ tục hành chính; cung cấp nội dung các thủ tục hành chính để Trung tâm Phục vụ hành chính công niêm yết công khai, hướng dẫn và tổ chức tiếp nhận, luân chuyển hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân theo đúng quy định; xây dựng quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính, trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định này.

2. Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và các cơ quan, đơn vị liên quan cập nhật nội dung thủ tục hành chính trên phần mềm Cổng Dịch vụ công, Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh. Hoàn thành trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định này.

3. Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm đăng tải công khai thủ tục hành chính trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính và Cơ sở dữ liệu thủ tục hành chính của UBND tỉnh đảm bảo kịp thời, đầy đủ, chính xác, đúng quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Y tế, Thông tin và Truyền thông; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn, các cơ sở khám chữa bệnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC (VPCP);
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Trung tâm CNTT;
- Lưu: VT, NC-KSTTHC, (01b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Minh Hùng

Phụ lục I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC CÔNG BỐ CHUẨN HÓA
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ Y TẾ TỈNH HẢI DƯƠNG
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /9/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
I	LĨNH VỰC DƯỢC PHẨM		
1	1.004593.000.00.00.H23	Thủ tục Cấp lần đầu và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược đối với trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc và các cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)	Quyết định số 2090/QĐ-UBND ngày 21/6/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Y tế (Quyết định số 2090/QĐ-UBND ngày 21/6/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh).
2	1.004585.000.00.00.H23	Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược cho cơ sở thay đổi loại hình kinh doanh hoặc phạm vi kinh doanh dược mà có thay đổi điều kiện kinh doanh, thay đổi địa điểm kinh doanh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc và các cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)	Quyết định số 2090/QĐ-UBND ngày 21/6/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh.
3	1.004576.000.00.00.H23	Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc và các cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc	Quyết định số 2090/QĐ-UBND ngày 21/6/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh.

		duyệt liệu, thuốc cổ truyền)	
4	1.004571.000.00.00.H23	Thủ tục Điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc và các cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)	Quyết định số 2090/QĐ-UBND ngày 21/6/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh.
5	1.004616.000.00.00.H23	Thủ tục Cấp Chứng chỉ hành nghề dược (bao gồm cả trường hợp cấp Chứng chỉ hành nghề dược nhưng Chứng chỉ hành nghề dược bị thu hồi theo quy định tại các khoản 1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 Điều 28 Luật Dược) theo hình thức xét hồ sơ	Quyết định số 2090/QĐ-UBND ngày 21/6/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh.
6	1.004604.000.00.00.H23	Thủ tục Cấp Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ trong trường hợp Chứng chỉ hành nghề dược bị ghi sai do lỗi của cơ quan cấp Chứng chỉ hành nghề dược.	Quyết định số 2090/QĐ-UBND ngày 21/6/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh.
7	1.004599.000.00.00.H23	Thủ tục Cấp lại Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ (trong trường hợp bị hư hỏng hoặc bị mất)	Quyết định số 2090/QĐ-UBND ngày 21/6/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh.
8	1.004596.000.00.00.H23	Thủ tục Điều chỉnh nội dung Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ	Quyết định số 2090/QĐ-UBND ngày 21/6/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh.
9	1.004557.000.00.00.H23	Thủ tục Thông báo hoạt động bán lẻ thuốc lưu động	Quyết định số 2090/QĐ-UBND ngày 21/6/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh.
10	1.004449.000.00.00.H23	Thủ tục Cấp phép xuất khẩu thuốc phải kiểm soát đặc biệt thuộc hành lý cá nhân của tổ chức, cá nhân xuất cảnh gửi theo vận tải đơn, hàng hóa mang theo người của tổ chức, cá nhân xuất cảnh để điều trị bệnh cho bản thân người xuất cảnh và không phải nguyên liệu làm thuốc phải kiểm soát đặc biệt.	Quyết định số 2090/QĐ-UBND ngày 21/6/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh.
11	1.004087.000.00.00.H23	Thủ tục Cấp phép nhập khẩu thuốc thuộc hành lý cá nhân của tổ chức, cá nhân nhập cảnh gửi theo vận tải đơn, hàng hóa mang theo người của tổ chức, cá nhân nhập cảnh để điều trị	Quyết định số 2090/QĐ-UBND ngày 21/6/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh.

		bệnh cho bản thân người nhập cảnh.	
12	1.003963.000.00.00.H23	Thủ tục Cấp Giấy xác nhận nội dung thông tin thuốc theo hình thức hội thảo giới thiệu thuốc	Quyết định số 2090/QĐ-UBND ngày 21/6/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh.
13	1.004532.000.00.00.H23	Thủ tục cho phép hủy thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc thuộc thẩm quyền Sở Y tế	Quyết định số 2090/QĐ-UBND ngày 21/6/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh.
14	1.002399.000.00.00.H23	Thủ tục Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược cho các cơ sở kinh doanh thuốc kiểm soát đặc biệt thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Quyết định số 2090/QĐ-UBND ngày 21/6/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh.
15	1.004529.000.00.00.H23	Thủ tục cho phép mua thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Quyết định số 2090/QĐ-UBND ngày 21/6/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh.
16	1.004516.000.00.00.H23	Thủ tục cho phép bán lẻ thuốc thuộc Danh mục thuốc hạn chế bán lẻ đối với cơ sở chưa được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược	Quyết định số 3753/QĐ-UBND ngày 11/10/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Y tế (Quyết định số 3753/QĐ-UBND ngày 11/10/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh).
17	1.004459.000.00.00.H23	Thủ tục cho phép bán lẻ thuốc thuộc Danh mục thuốc hạn chế bán lẻ đối với cơ sở đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược	Quyết định số 3753/QĐ-UBND ngày 11/10/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh.
18	1.003613.000.00.00.H23	Thủ tục kê khai lại giá thuốc sản xuất trong nước	Quyết định số 2090/QĐ-UBND ngày 21/6/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh.
19	1.001893.000.00.00.H23	Thủ tục công bố cơ sở kinh doanh có tổ chức kê thuốc	Quyết định số 3753/QĐ-UBND ngày 11/10/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh.
20	1.003001.000.00.00.H23	Thủ tục Đánh giá đáp ứng Thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc	Quyết định số 3753/QĐ-UBND ngày

			11/10/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh.
21	1.002952.000.00.00.H23	Thủ tục Đánh giá duy trì đáp ứng thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc.	Quyết định 4155/QĐ-UBND ngày 27/11/2019 của UBND tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Y tế.
22	1.002934.000.00.00.H23	Thủ tục Kiểm soát thay đổi khi có thay đổi thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm c và d Khoản 1 Điều 11 Thông tư 02/2018/TT-BYT	
23	1.002258.000.00.00.H23	Thủ tục Đánh giá đáp ứng Thực hành tốt phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc.	Quyết định số 3753/QĐ-UBND ngày 11/10/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh.
24	1.002339.000.00.00.H23	Thủ tục Đánh giá đáp ứng Thực hành tốt phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc đối với cơ sở kinh doanh không vì mục đích thương mại	Quyết định số 3753/QĐ-UBND ngày 11/10/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh.
25	1.002292.000.00.00.H23	Thủ tục Đánh giá duy trì đáp ứng thực hành tốt cơ sở phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc	Quyết định 4155/QĐ-UBND ngày 27/11/2019 của UBND tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Y tế.
26	1.002235.000.00.00.H23	Thủ tục Kiểm soát thay đổi khi có thay đổi thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm d, đ và e Khoản 1 Điều 11 Thông tư 03/2018/TT-BYT	Quyết định số 3753/QĐ-UBND ngày 11/10/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh.
27	DPNS041	Thủ tục Thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược	Quyết định số 3525/QĐ-UBND ngày 20/11/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh., (Quyết định số 3525/QĐ-UBND ngày 20/11/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh).
28	DPNS042	Thủ tục Thu hồi chứng chỉ hành nghề dược	Quyết định số 3525/QĐ-UBND ngày 20/11/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh.

29	1.009407.000.00.00.H23	Thủ tục Công bố đáp ứng tiêu chuẩn chế biến, bào chế thuốc cổ truyền đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bằng y học cổ truyền thuộc quản lý của Sở Y tế	Quyết định 781/QĐ-UBND ngày 10/03/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố và phê duyệt danh mục thủ tục hành chính, quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế.
II LĨNH VỰC MỸ PHẨM			
1	1.003055.000.00.00.H23	Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đủ Điều kiện sản xuất mỹ phẩm	Quyết định số 2090/QĐ-UBND ngày 21/6/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh.
2	1.003064.000.00.00.H23	Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận đủ Điều kiện sản xuất mỹ phẩm	Quyết định số 2090/QĐ-UBND ngày 21/6/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh.
3	1.003073.000.00.00.H23	Thủ tục Điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ Điều kiện sản xuất mỹ phẩm.	Quyết định số 3525/QĐ-UBND ngày 20/11/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh.
4	1.002600.000.00.00.H23	Thủ tục Cấp số tiếp nhận Phiếu công bố sản phẩm mỹ phẩm sản xuất trong nước thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Quyết định số 2090/QĐ-UBND ngày 21/6/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh.
5	1.002483.000.00.00.H23	Thủ tục Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm	Quyết định số 3525/QĐ-UBND ngày 20/11/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh.
6	1.000990.000.00.00.H23	Thủ tục Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng	Quyết định số 3525/QĐ-UBND ngày 20/11/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh.
7	1.000662.000.00.00.H23	Thủ tục Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm khi có thay đổi về tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm và không thay đổi nội dung quảng cáo	Quyết định số 3525/QĐ-UBND ngày 20/11/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh.
8	1.000793.000.00.00.H23	Thủ tục Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm trong trường hợp hết hiệu lực tại Khoản 2 Điều 21 Thông tư số 09/2015/TT-BYT	Quyết định số 3525/QĐ-UBND ngày 20/11/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh.
9	1.009566.000.00.00.H23	Thủ tục: Cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với	Quyết định 1464/QĐ-UBND ngày

		mỹ phẩm sản xuất trong nước để xuất khẩu	17/5/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố và phê duyệt danh mục thủ tục hành chính, quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế.
III	LĨNH VỰC KHÁM CHỮA BỆNH		
1	1.003709.000.00.00.H23	Thủ tục Cấp chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người Việt Nam thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Quyết định số 3525/QĐ-UBND ngày 20/11/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh.
2	1.003748.000.00.00.H23	Thủ tục cấp bổ sung phạm vi hoạt động chuyên môn trong chứng chỉ hành nghề thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.	Quyết định số 2090/QĐ-UBND ngày 21/6/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh.
3	1.003773.000.00.00.H23	Thủ tục cấp thay đổi phạm vi hoạt động chuyên môn trong chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Quyết định số 3525/QĐ-UBND ngày 20/11/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh.
4	1.003787.000.00.00.H23	Thủ tục cấp điều chỉnh chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh trong trường hợp đề nghị đề nghị thay đổi họ và tên, ngày tháng năm sinh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Quyết định số 3525/QĐ-UBND ngày 20/11/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh.
5	1.003800.000.00.00.H23	Thủ tục cấp lại chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người Việt Nam bị mất hoặc hư hỏng hoặc bị thu hồi chứng chỉ hành nghề theo quy định tại điểm a, b Khoản 1 Điều 29 Luật khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Quyết định số 3525/QĐ-UBND ngày 20/11/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh.
6	1.003824.000.00.00.H23	Thủ tục cấp lại chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người Việt Nam bị thu hồi chứng chỉ hành nghề theo quy định tại điểm c, d, đ, e và g Khoản 1 Điều 29 Luật khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Quyết định số 3525/QĐ-UBND ngày 20/11/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh.
7	1.003848.000.00.00.H23	Cấp giấy phép hoạt động đối với bệnh viện thuộc Sở Y tế và áp dụng đối với trường hợp khi thay đổi hình thức tổ chức, chia tách, hợp nhất, sáp nhập	Quyết định số 2090/QĐ-UBND ngày 21/6/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh.

8	1.003876.000.00.00.H23	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động đối với Phòng khám đa khoa thuộc thẩm quyền của Sở y tế.	Quyết định số 2090/QĐ-UBND ngày 21/6/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh.
9	1.003803.000.00.00.H23	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động đối với Phòng khám chuyên khoa thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.	Quyết định số 2090/QĐ-UBND ngày 21/6/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh.
10	1.003774.000.00.00.H23	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động đối với Nhà Hộ Sinh thuộc thẩm quyền của Sở y tế	Quyết định số 2090/QĐ-UBND ngày 21/6/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh.
11	2.000984.000.00.00.H23	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở dịch vụ y tế thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.	Quyết định số 2090/QĐ-UBND ngày 21/6/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh.
12	1.003746.000.00.00.H23	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động đối với Trạm xá, Trạm y tế cấp xã.	Quyết định số 3525/QĐ-UBND ngày 20/11/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh.
13	1.003644.000.00.00.H23	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế khi thay đổi địa điểm	Quyết định số 3525/QĐ-UBND ngày 20/11/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh.
14	1.003628.000.00.00.H23	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Quyết định số 3525/QĐ-UBND ngày 20/11/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh.
15	1.003547.000.00.00.H23	Thủ tục điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi quy mô giường bệnh hoặc cơ cấu tổ chức, nhân sự hoặc phạm vi hoạt động chuyên môn thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Quyết định số 3525/QĐ-UBND ngày 20/11/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh.
16	1.003531.000.00.00.H23	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi người chịu trách nhiệm chuyên môn của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Quyết định số 3525/QĐ-UBND ngày 20/11/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh.
17	1.003516.000.00.00.H23	Thủ tục cấp lại giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế do bị mất, hoặc hư hỏng hoặc bị thu hồi do cấp không đúng thẩm quyền	Quyết định số 3525/QĐ-UBND ngày 20/11/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh.

18	1.001086.000.00.00.H23	Thủ tục đề nghị phê duyệt Danh mục kỹ thuật lần đầu	Quyết định số 3525/QĐ-UBND ngày 20/11/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh.
19	1.001077.000.00.00.H23	Thủ tục đề nghị phê duyệt Danh mục kỹ thuật bổ sung	Quyết định số 3525/QĐ-UBND ngày 20/11/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh.
20	1.003720.000.00.00.H23	Thủ tục công bố đủ điều kiện thực hiện khám sức khỏe cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Quyết định số 2090/QĐ-UBND ngày 21/6/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh.
IV	LĨNH VỰC Y HỌC CỔ TRUYỀN		
1	2.000980.000.00.00.H23	Cấp giấy chứng nhận người sở hữu bài thuốc gia truyền và phương pháp chữa bệnh gia truyền thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Quyết định số 2090/QĐ-UBND ngày 21/6/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh.
2	2.000968.000.00.00.H23	Cấp lại giấy chứng nhận người sở hữu bài thuốc gia truyền và phương pháp chữa bệnh gia truyền thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Quyết định số 2090/QĐ-UBND ngày 21/6/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh.
3	1.001552.000.00.00.H23	Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận là lương y cho các đối tượng quy định tại Khoản 1, Điều 1, Thông tư số 29/2015/TT-BYT	Quyết định số 3525/QĐ-UBND ngày 20/11/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh.
4	1.001538.000.00.00.H23	Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận là lương y cho các đối tượng quy định tại Khoản 4, Điều 1, Thông tư số 29/2015/TT-BYT	Quyết định số 3525/QĐ-UBND ngày 20/11/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh.
5	1.001532.000.00.00.H23	Thủ tục Cấp giấy chứng nhận là lương y cho các đối tượng quy định tại Khoản 5, Điều 1, Thông tư số 29/2015/TT-BYT	Quyết định số 3525/QĐ-UBND ngày 20/11/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh.
6	1.001398.000.00.00.H23	Thủ tục Cấp giấy chứng nhận là lương y cho các đối tượng quy định tại Khoản 6, Điều 1, Thông tư số 29/2015/TT-BYT	Quyết định số 3525/QĐ-UBND ngày 20/11/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh.
7	1.001393.000.00.00.H23	Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận là lương y thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Quyết định số 3525/QĐ-UBND ngày 20/11/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh.
V	LĨNH VỰC Y TẾ DỰ PHÒNG		
1	2.000655.000.00.00.H23	Công bố cơ sở đủ điều kiện tiêm chủng.	Quyết định số 2090/QĐ-UBND ngày

			21/6/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh.
2	1.001386.000.00.00.H23	Thủ tục xác định trường hợp được bồi thường do xảy ra tai biến trong tiêm chủng, Quyết định 1273/QĐ-BYT ngày 04/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Nghị định 104/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Thủ tướng Chính phủ.	Quyết định số 3525/QĐ-UBND ngày 20/11/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh.
3	1.003580.000.00.00.H23	Công bố cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp I, cấp II .	Quyết định số 2090/QĐ-UBND ngày 21/6/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh.
4	1.003958.000.00.00.H23	Công bố đủ điều kiện thực hiện hoạt động quan trắc môi trường lao động thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Quyết định số 744/QĐ-UBND ngày 24/03/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính và quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Y tế.
5	1.002944.000.00.00.H23	Thủ tục Công bố cơ sở đủ điều kiện sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	Quyết định số 2672/QĐ-UBND ngày 05/9/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh.
6	1.002467.000.00.00.H23	Thủ tục Công bố cơ sở đủ điều kiện cung cấp dịch vụ diệt côn trùng, diệt khuẩn trong lĩnh vực gia dụng và y tế bằng chế phẩm	Quyết định số 2672/QĐ-UBND ngày 05/9/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh.
VI	LĨNH VỰC ĐÀO TẠO		
1	1.004539.000.00.00.H23	Thủ tục Công bố đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe đối với các cơ sở khám, chữa bệnh thuộc Sở Y tế và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân trên địa bàn tỉnh, thành phố	Quyết định số 1415/QĐ-UBND ngày 10/5/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Y tế;
VII	LĨNH VỰC TỔ CHỨC CÁN BỘ		
1	1.001523.000.00.00.H23	Thủ tục Đề nghị bổ nhiệm giám định viên pháp y và giám định viên pháp y tâm thần thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Quyết định số 3775/QĐ-UBND ngày 14/12/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về

			việc công bố danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Y tế. (Quyết định số 3775/QĐ-UBND ngày 14/12/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh).
2	1.001514.000.00.00.H23	Thủ tục Đề nghị miễn nhiệm giám định viên pháp y và giám định viên pháp y tâm thần thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Quyết định số 3775/QĐ-UBND ngày 14/12/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh.
VIII LĨNH VỰC KHÁM CHỮA BỆNH NHÂN ĐẠO			
1	1.001824.000.00.00.H23	Thủ tục Cho phép cá nhân trong nước, nước ngoài tổ chức khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế.	Quyết định số 3525/QĐ-UBND ngày 20/11/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh.
2	1.001846.000.00.00.H23	Thủ tục cho phép Đoàn khám bệnh, chữa bệnh trong nước tổ chức khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế	Quyết định số 3525/QĐ-UBND ngày 20/11/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh.
3	1.001866.000.00.00.H23	Thủ tục cho phép Đoàn khám bệnh, chữa bệnh nước ngoài tổ chức khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế.	Quyết định số 3525/QĐ-UBND ngày 20/11/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh.
4	1.001884.000.00.00.H23	Thủ tục cho phép Đội khám bệnh, chữa bệnh chữ thập đỏ lưu động tổ chức khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế	Quyết định số 3525/QĐ-UBND ngày 20/11/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh.
5	1.002140.000.00.00.H23	Thủ tục cấp Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở dịch vụ tiêm, thay băng, đếm mạch, đo huyết áp, đếm mạch	Quyết định số 3525/QĐ-UBND ngày 20/11/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh.
6	1.002131.000.00.00.H23	Thủ tục cấp Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở dịch vụ trồng răng giả	Quyết định số 3525/QĐ-UBND ngày 20/11/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh.

7	1.002111.000.00.00.H23	Thủ tục cấp Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở dịch vụ chăm sóc sức khỏe tại nhà	Quyết định số 3525/QĐ-UBND ngày 20/11/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh.
8	1.002097.000.00.00.H23	Thủ tục cấp Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở dịch vụ kính thuốc	Quyết định số 3525/QĐ-UBND ngày 20/11/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh.
9	1.002073.000.00.00.H23	Thủ tục cấp Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở dịch vụ cấp cứu, hỗ trợ vận chuyển người bệnh	Quyết định số 3525/QĐ-UBND ngày 20/11/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh.
10	1.002058.000.00.00.H23	Thủ tục cấp Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với trạm xá, trạm y tế cấp xã	Quyết định số 3525/QĐ-UBND ngày 20/11/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh.
11	1.002230.000.00.00.H23	Thủ tục cấp Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với Phòng khám đa khoa thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Quyết định số 3525/QĐ-UBND ngày 20/11/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh.
12	1.002215.000.00.00.H23	Thủ tục cấp Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với Phòng khám chuyên khoa thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Quyết định số 3525/QĐ-UBND ngày 20/11/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh.
13	1.002205.000.00.00.H23	Thủ tục cấp Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với Phòng Chẩn trị y học cổ truyền thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Quyết định số 3525/QĐ-UBND ngày 20/11/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh.
14	1.002162.000.00.00.H23	Thủ tục cấp Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với Phòng Xét nghiệm thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Quyết định số 3525/QĐ-UBND ngày 20/11/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh.
15	1.002182.000.00.00.H23	Thủ tục cấp Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với Phòng khám Chẩn đoán hình ảnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Quyết định số 3525/QĐ-UBND ngày 20/11/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh.
16	1.002037.000.00.00.H23	Thủ tục cấp Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế khi thay đổi địa điểm	Quyết định số 3525/QĐ-UBND ngày 20/11/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh.
17	1.002015.000.00.00.H23	Thủ tục cấp Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của	Quyết định số 3525/QĐ-UBND ngày

		Sở Y tế khi thay đổi tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	20/11/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh.
18	1.001987.000.00.00.H23	Thủ tục cấp Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế khi thay đổi quy mô giường bệnh hoặc cơ cấu tổ chức hoặc phạm vi hoạt động chuyên môn	Quyết định số 3525/QĐ-UBND ngày 20/11/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh.
19	1.002000.000.00.00.H23	Thủ tục cấp lại Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế do bị mất hoặc hư hỏng hoặc giấy phép bị thu hồi do cấp không đúng thẩm quyền	Quyết định số 3525/QĐ-UBND ngày 20/11/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh.
20	1.002191.000.00.00.H23	Thủ tục cấp Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với Nhà hộ sinh thuộc thẩm quyền Sở Y tế	Quyết định số 3525/QĐ-UBND ngày 20/11/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh.
IX	LĨNH VỰC Y TẾ DỰ PHÒNG		
1	1.004488.000.00.00.H23	Cấp phép hoạt động đối với cơ sở điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế	Quyết định số 3525/QĐ-UBND ngày 20/11/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh.
2	1.004477.000.00.00.H23	Cấp lại giấy phép hoạt động đối với cơ sở điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện khi cơ sở thay đổi địa điểm hoạt động hoặc bị thu hồi giấy phép hoạt động	Quyết định số 3525/QĐ-UBND ngày 20/11/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh.
3	1.004471.000.00.00.H23	Cấp lại giấy phép hoạt động đối với cơ sở điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế bị mất giấy phép hoạt động hoặc có giấy phép hoạt động bị hư hỏng	Quyết định số 3525/QĐ-UBND ngày 20/11/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh.
4	HIVS011	Cho phép hoạt động lại sau khi bị đình chỉ hoạt động đối với cơ sở điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế	Quyết định số 3525/QĐ-UBND ngày 20/11/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh.
X	LĨNH VỰC HIV/AIDS		
1	1.006422.000.00.00.H23	Cấp mới giấy chứng nhận đủ điều kiện xét nghiệm khẳng định các trường hợp HIV dương tính	Quyết định số 1358/QĐ-UBND ngày 27/5/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành

			chính và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Y tế (Quyết định số 1358/QĐ-UBND ngày 27/5/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh).
2	1.006425.000.00.00.H23	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều xét nghiệm khẳng định các trường hợp HIV dương tính	Quyết định số 1358/QĐ-UBND ngày 27/5/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh.
3	1.006431.000.00.00.H23	Điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều xét nghiệm khẳng định các trường hợp HIV dương tính	Quyết định số 1358/QĐ-UBND ngày 27/5/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh.
4	1.008444.000.00.00.H23	Thông báo hoạt động đối với tổ chức tư vấn về phòng, chống HIV/AIDS.	Quyết định số 3525/QĐ-UBND ngày 20/11/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh.
5	1.004607.000.00.00.H23	Thủ tục Cấp giấy chứng bị phơi nhiễm với HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp	Quyết định số 3525/QĐ-UBND ngày 20/11/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh.
6	1.004.564	Thủ tục Cấp giấy chứng bị nhiễm HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp	Quyết định số 3525/QĐ-UBND ngày 20/11/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh.
XI	LĨNH VỰC TRANG THIẾT BỊ VÀ CÔNG TRÌNH Y TẾ		
1	2.000985.000.00.00.H23	Điều chỉnh thông tin trong hồ sơ công bố đủ điều kiện sản xuất trang thiết bị y tế	Quyết định số 2090/QĐ-UBND ngày 21/6/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh.
2	2.000982.000.00.00.H23	Thủ tục Điều chỉnh thông tin trong hồ sơ công bố đủ điều kiện mua bán trang thiết bị y tế loại B, C,	Quyết định số 2090/QĐ-UBND ngày 21/6/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh.
3	1.003006.000.00.00.H23	Thủ tục Công bố đủ điều kiện sản xuất trang thiết bị y tế	Quyết định số 2090/QĐ-UBND ngày 21/6/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh.
4	1.003029.000.00.00.H23	Thủ tục Công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với trang thiết bị y tế thuộc loại A	Quyết định số 2090/QĐ-UBND ngày 21/6/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh.
5	1.003039.000.00.00.H23	Thủ tục Công bố đủ điều kiện mua bán trang thiết bị y tế thuộc loại B, C, D	Quyết định số 2090/QĐ-UBND ngày 21/6/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh.

XII LĨNH VỰC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM			
1	1.002425.000.00.00.H23	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.	Quyết định số 2090/QĐ-UBND ngày 21/6/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh.
2	1.003348.000.00.00.H23	Đăng ký bản công bố sản phẩm nhập khẩu đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi	Quyết định số 1415/QĐ-UBND ngày 10/5/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh.
3	1.003332.000.00.00.H23	Đăng ký bản công bố sản phẩm sản xuất trong nước đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi	Quyết định số 1415/QĐ-UBND ngày 10/5/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh.
4	1.003108.000.00.00.H23	Đăng ký nội dung quảng cáo đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi	Quyết định số 1415/QĐ-UBND ngày 10/5/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh.
5	1.002867.000.00.00.H23	Kiểm tra nhà nước về ATTP đối với thực phẩm nhập khẩu theo phương thức kiểm tra thông thường	Quyết định số 1415/QĐ-UBND ngày 10/5/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh.
6	2.001191.000.00.00.H23	Kiểm tra nhà nước về ATTP đối với thực phẩm nhập khẩu theo phương thức kiểm tra chặt	Quyết định số 1415/QĐ-UBND ngày 10/5/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh.

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
I LĨNH VỰC SỨC KHỎE BÀ MẸ - TRẺ EM			
1	1.002.192.00.00.00.H23	Cấp giấy chứng sinh đối với trường hợp trẻ được sinh ra ngoài cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nhưng được cán bộ y tế hoặc cô đỡ thôn bản đỡ đẻ.	Quyết định số 311/QĐ-UBND ngày 21/01/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Y tế.

C. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN TẠI CƠ SỞ KHÁM CHỮA BỆNH VÀ CƠ QUAN KHÁC

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
I	LĨNH VỰC KHÁM CHỮA BỆNH (CƠ SỞ KHÁM CHỮA BỆNH)		
1		Cấp lại giấy chứng sinh đối với trường hợp bị nhầm lẫn khi ghi chép Giấy chứng sinh	Quyết định 1882/QĐ-UBND ngày 27/7/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố thủ tục giải quyết công việc thuộc thẩm quyền giải quyết của các BVĐK tuyến huyện (Quyết định 1882/QĐ-UBND ngày 27/7/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh)
2		Cấp lại giấy chứng sinh đối với trường hợp bị mất hoặc hư hỏng	Quyết định 1882/QĐ-UBND ngày 27/7/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh
3		Khám sức khỏe định kỳ	Quyết định 1882/QĐ-UBND ngày 27/7/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh
4		Cấp giấy chứng nhận sức khỏe đối với thuyền viên làm việc trên tàu biển Việt Nam đủ tiêu chuẩn qui định tại phụ lục I	Quyết định 1415/QĐ-UBND ngày 10/5/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh
5		Cấp giấy chứng nhận sức khỏe đối với thuyền viên làm việc trên tàu biển Việt Nam đủ tiêu chuẩn qui định tại Phụ lục I nhưng mắc một số bệnh qui định tại Phụ lục II	Quyết định 1415/QĐ-UBND ngày 10/5/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh
6		Kiểm tra sức khỏe định kỳ với thuyền viên làm việc trên tàu biển Việt Nam	Quyết định 1415/QĐ-UBND ngày 10/5/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh
II	LĨNH VỰC Y TẾ DỰ PHÒNG (BỆNH VIỆN BỆNH NHIỆT ĐỚI)		
1	1.004568.000.00.00.H23	Thủ tục cấp thẻ nhân viên tiếp cận cộng đồng	Quyết định số 3525/QĐ-UBND ngày 20/11/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh.
2	1.004541.000.00.00.H23	Thủ tục cấp lại thẻ nhân viên tiếp cận cộng đồng	Quyết định số 3525/QĐ-UBND ngày

			20/11/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh.
3	HIVS003	Thủ tục thu hồi thẻ nhân viên tiếp cận cộng đồng	Quyết định số 3525/QĐ-UBND ngày 20/11/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh.
III	LĨNH VỰC GIÁM ĐỊNH Y KHOA (PHÒNG GIÁM ĐỊNH Y KHOA, BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH)		
1		Khám giám định thương tật lần đầu do tai nạn lao động	Quyết định số 1890/QĐ-UBND ngày 14/6/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Y tế (Quyết định số 1890/QĐ-UBND ngày 14/6/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh).
2		Khám giám định lần đầu do bệnh nghề nghiệp	Quyết định số 1890/QĐ-UBND ngày 14/6/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh.
3		Khám giám định để thực hiện chế độ hưu trí đối với người lao động	Quyết định số 1890/QĐ-UBND ngày 14/6/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh.
4		Khám giám định để thực hiện chế độ tử tuất	Quyết định số 1890/QĐ-UBND ngày 14/6/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh.
5		khám giám định để hưởng bảo hiểm xã hội một lần	Quyết định số 1890/QĐ-UBND ngày 14/6/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh.
6		Khám giám định để xác định lao động nữ không đủ sức khỏe chăm sóc con sau sinh hoặc sau khi nhận con do nhờ người khác mang thai hộ hoặc phải nghỉ dưỡng thai.	Quyết định số 1890/QĐ-UBND ngày 14/6/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh.
7		Khám giám định lại đối với trường hợp tái tổn thương do tai nạn lao động	Quyết định số 1890/QĐ-UBND ngày 14/6/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh.
8		Khám giám định lại bệnh nghề nghiệp tái phát	Quyết định số 1890/QĐ-UBND ngày 14/6/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh.

9		Khám giám định tổng hợp	Quyết định số 1890/QĐ-UBND ngày 14/6/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh.
10		Thủ tục khám giám định lần đầu đối với đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 1 của Thông tư liên tịch số 20/2016/TTLT-BYT-BLĐTBXH ngày 30/6/2016.	Quyết định số 3525/QĐ-UBND ngày 20/11/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Y tế (Quyết định số 3525/QĐ-UBND ngày 20/11/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh).
11		Thủ tục khám giám định phúc quyết do vượt khả năng chuyên môn theo Thông tư liên tịch số 20/2016/TTLT-BYT-BLĐTBXH ngày 30/6/2016	Quyết định số 3525/QĐ-UBND ngày 20/11/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh.
12		Khám giám định phúc quyết do vượt khả năng chuyên môn theo Thông tư liên tịch số 20/2016/TTLT-BYT-BLĐTBXH ngày 30/6/2016.	Quyết định số 3525/QĐ-UBND ngày 20/11/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh.
13		Khám giám định phúc quyết do đối tượng không đồng ý với kết quả khám giám định của Hội đồng GDYK tỉnh theo Thông tư liên tịch số 20/2016/TTLT-BYT-BLĐTBXH ngày 30/6/2016.	Quyết định số 3525/QĐ-UBND ngày 20/11/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh.
14		Khám giám định đối với trường hợp Hội đồng xác định mức độ khuyết tật không đưa ra được kết luận về mức độ khuyết tật	Quyết định số 3525/QĐ-UBND ngày 20/11/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh.
15		Khám giám định trường hợp người khuyết tật hoặc đại diện hợp pháp của người khuyết tật không đồng ý với kết luận của Hội đồng xác định mức độ khuyết tật	Quyết định số 3525/QĐ-UBND ngày 20/11/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh.
16		Khám giám định Trường hợp có bằng chứng xác thực về việc xác định mức độ khuyết tật của Hội đồng xác định mức độ khuyết tật không khách quan, không chính xác.	Quyết định số 3525/QĐ-UBND ngày 20/11/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh.
17		Khám giám định thương tật lần đầu theo Thông tư	Quyết định số 3525/QĐ-UBND ngày

		45/2014/TTLT-BYT-BLĐTBXH.	20/11/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh.
18		Khám giám định đối với trường hợp đã được xác định tỷ lệ tạm thời theo thông tư 45/2014/TTLT-BYT-BLĐTBXH	Quyết định số 3525/QĐ-UBND ngày 20/11/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh.
19		Khám giám định đối với trường hợp bổ sung vết thương theo Thông tư 45/2014/TTLT-BYT-BLĐTBXH.	Quyết định số 3525/QĐ-UBND ngày 20/11/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh.
20		Khám giám định đối với trường hợp vết thương còn sót theo Thông tư 45/2014/TTLT-BYT-BLĐTBXH	Quyết định số 3525/QĐ-UBND ngày 20/11/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh.
21		Khám giám định đối với trường hợp vết thương tái phát theo Thông tư 45/TTLT-BYT-BLĐTBXH	Quyết định số 3525/QĐ-UBND ngày 20/11/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh.
22		Khám giám định do vượt khả năng chuyên môn của Hội đồng Giám định y khoa cấp tỉnh theo Thông tư 45/TTLT-BYT-BLĐTBXH.	Quyết định số 3525/QĐ-UBND ngày 20/11/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Phụ lục II
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CÔNG BỐ CHUẨN HÓA
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ Y TẾ TỈNH HẢI DƯƠNG
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /9/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
I. LĨNH VỰC KHÁM CHỮA BỆNH					
1	Cấp giấy chứng nhận mắc bệnh, tật, dị dạng, dị tật có liên quan đến phơi nhiễm với chất độc hóa học <i>(Quyết định số 4690/QĐ-BYT ngày 04/11/2015 của Bộ Y tế)</i>	10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ khám GDYK hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ của Sở Y tế tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hải Dương (Tầng 1 Thư viện tỉnh, số 1 đường Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương)	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Căn cứ Pháp lệnh số 26/2005/PL-UBTVQH11 ngày 29 tháng 6 năm 2005 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc ưu đãi người có công với cách mạng và Pháp lệnh số 04/2012/UBTVQH13 ngày 16 tháng 7 năm 2012 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng. Hiệu lực từ ngày 01/10/2005. - Căn cứ Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng. Hiệu lực từ ngày 01/6/2013. - Thông tư số 41/2013/TT-BYT ngày

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					18/11/2013 của Bộ Y tế hướng dẫn khám giám định bệnh, tật, dị dạng, dị tật có liên quan đến phơi nhiễm với chất độc hóa học đối với người hoạt động kháng chiến và con đẻ của họ.
2	Thủ tục Cấp lại Giấy phép hoạt động đối với trạm, điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ do mất, rách, hỏng (<i>Quyết định số 3106/QĐ-BYT ngày 19/8/2014 của Bộ Y tế</i>)	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ của Sở Y tế tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hải Dương (Tầng 1 Thư viện tỉnh, số 1 đường Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương)	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật hoạt động chữ thập đỏ ngày 03 tháng 6 năm 2008; - Nghị định số 03/2011/NĐ-CP ngày 07/01/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật hoạt động chữ thập đỏ; - Thông tư số 17/2014/TT-BYT ngày 02/6/2014 quy định việc cấp giấy phép hoạt động đối với trạm, điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ và việc huấn luyện sơ cấp cứu chữ thập đỏ.
3	Thủ tục Cho phép áp dụng thí điểm kỹ thuật mới, phương pháp mới trong khám bệnh, chữa bệnh đối với kỹ thuật mới, phương pháp mới quy định tại Khoản 3 Điều 2 Thông tư số 07/2015/TT-BYT thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế (<i>Quyết định số 3516/QĐ-BYT ngày</i>	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ của Sở Y tế tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hải Dương (Tầng 1 Thư viện tỉnh, số 1 đường Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương)	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Khám bệnh, chữa bệnh năm 2009; - Thông tư số 07/2015/TT-BYT ngày 03/4/2015 của Bộ Y tế quy định chi tiết điều kiện, thủ tục cho phép áp dụng kỹ thuật mới, phương pháp mới trong khám bệnh, chữa bệnh.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	<i>24/8/2015 của Bộ Y tế)</i>		Dương)		
4	Cho phép áp dụng chính thức kỹ thuật mới, phương pháp mới trong khám bệnh, chữa bệnh đối với kỹ thuật mới, phương pháp mới thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế <i>(Quyết định số 3516/QĐ-BYT ngày 24/8/2015 của Bộ Y tế)</i>	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ của Sở Y tế tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hải Dương (Tầng 1 Thư viện tỉnh, số 1 đường Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương)	Không	- Luật Khám bệnh, chữa bệnh năm 2009; - Thông tư số 07/2015/TT-BYT ngày 03/4/2015 của Bộ Y tế quy định chi tiết điều kiện, thủ tục cho phép áp dụng kỹ thuật mới, phương pháp mới trong khám bệnh, chữa bệnh.
5	Thủ tục Cho phép cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được tiếp tục hoạt động khám bệnh, chữa bệnh sau khi bị đình chỉ hoạt động chuyên môn thuộc thẩm quyền của Sở Y tế. <i>(Quyết định số 4692/QĐ-BYT ngày 4/11/2015 của Bộ Y tế)</i>	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ của Sở Y tế tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hải Dương (Tầng 1 Thư viện tỉnh, số 1 đường Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương)	Không	- Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 23/11/2009 - Thông tư số 35/2013/TT-BYT ngày 30/10/2013 Quy định về thu hồi chứng chỉ hành nghề, giấy phép hoạt động và đình chỉ hoạt động chuyên môn của người hành nghề, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh
6	Thủ tục Cho phép người hành nghề được tiếp tục hành nghề khám bệnh, chữa bệnh sau khi bị đình chỉ hoạt động chuyên môn thuộc thẩm quyền của Sở	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ của Sở Y tế tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hải Dương (Tầng 1	Không	- Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 23/11/2009 - Thông tư số 35/2013/TT-BYT ngày 30/10/2013 Quy định về thu hồi chứng

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	Y tế (<i>Quyết định số 4692/QĐ-BYT ngày 4/11/2015 của Bộ Y tế</i>)		Thư viện tỉnh, số 1 đường Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương)		chỉ hành nghề, giấy phép hoạt động và đình chỉ hoạt động chuyên môn của người hành nghề, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh
7	Thủ tục Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (<i>Quyết định số 3904/QĐ-BYT ngày 18/9/2015 của Bộ Y tế</i>)	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ của Sở Y tế tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hải Dương (Tầng 1 Thư viện tỉnh, số 1 đường Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương)	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật quảng cáo ngày 21/06/2012; - Luật khám bệnh, chữa bệnh ngày 23/11/2009; - Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quảng cáo; - Thông tư số 09/2015/TT-BYT ngày 25/5/2015 của Bộ Y tế.
8	Thủ tục Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng (<i>Quyết định số 3904/QĐ-BYT ngày 18/9/2015 của Bộ Y tế</i>)	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ của Sở Y tế tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hải Dương (Tầng 1 Thư viện tỉnh, số 1 đường Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương)	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật quảng cáo ngày 21/06/2012; - Luật khám bệnh, chữa bệnh ngày 23/11/2009; - Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quảng cáo; - Thông tư số 09/2015/TT-BYT ngày 25/5/2015 của Bộ Y tế.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
9	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế khi có thay đổi về tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm và không thay đổi nội dung quảng cáo (<i>Quyết định số 3904/QĐ-BYT ngày 18/9/2015 của Bộ Y tế</i>)	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ của Sở Y tế tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hải Dương (Tầng 1 Thư viện tỉnh, số 1 đường Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương)	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật quảng cáo ngày 21/06/2012; - Luật khám bệnh, chữa bệnh ngày 23/11/2009; - Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quảng cáo; - Thông tư số 09/2015/TT-BYT ngày 25/5/2015 của Bộ Y tế.
10	Công bố cơ sở đủ điều kiện thực hiện khám sức khỏe lái xe thuộc thẩm quyền Sở Y tế (<i>Quyết định số 4759/QĐ-BYT ngày 09/11/2015 của Bộ Y tế.</i>)	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ của Sở Y tế tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hải Dương (Tầng 1 Thư viện tỉnh, số 1 đường Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương)	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13/11/2008; - Nghị định số 63/2012/NĐ-CP ngày 31/8/2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế; - Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20/12/2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải; - Thông tư số 14/2013/TT-BYT ngày 06/5/2013 của Bộ Y tế về hướng dẫn khám sức khỏe; - Thông tư liên tịch số 24/2015/TTLT-

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					BYT-BGTVT ngày 21/8/2015 của Bộ Y tế và Bộ Giao thông vận tải về Quy định về tiêu chuẩn sức khỏe của người lái xe, việc khám sức khỏe định kỳ đối với người lái xe ô tô và quy định về cơ sở y tế khám sức khỏe cho người lái xe
II. LĨNH VỰC Y TẾ DỰ PHÒNG					
1	Xét tặng giải thưởng Đặng Văn Ngữ trong lĩnh vực Y tế dự phòng (<i>Quyết định số 5444/QĐ-BYT ngày 28/12/2020 của Bộ Trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực y tế dự phòng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế</i>)	132 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trong đó: - Hội đồng xét tặng cấp cơ sở có 33 ngày làm việc. - Hội đồng cấp Bộ có 99 ngày làm việc.	Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ của Sở Y tế tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hải Dương (Tầng 1 Thư viện tỉnh, số 1 đường Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương)	Không	- Luật thi đua, khen thưởng ngày 26/11/2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 14/6/2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013; - Nghị định số 75/2017/NĐ-CP ngày 20/6/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế; - Thông tư số 23/2020/TT-BYT ngày 02/12/2020 của Bộ Y tế quy định việc xét tặng giải thưởng Đặng Văn Ngữ trong lĩnh vực Y tế dự phòng.

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
I. LĨNH VỰC KHÁM CHỮA BỆNH					
1	Thủ tục Cấp giấy phép hoạt động đối với trạm sơ cấp cứu chữ thập đỏ (<i>Quyết định số 3106/QĐ-BYT ngày 19/8/2014 của Bộ Y tế</i>)	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Một cửa – UBND cấp huyện	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật hoạt động chữ thập đỏ ngày 03 tháng 6 năm 2008; - Nghị định số 03/2011/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật hoạt động chữ thập đỏ. - Thông tư số 17/2014/TT-BYT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc cấp giấy phép hoạt động đối với trạm, điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ và việc huấn luyện sơ cấp cứu chữ thập đỏ
2	Thủ tục Cấp giấy phép hoạt động đối với điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ (<i>Quyết định số 3106/QĐ-BYT ngày 19/8/2014 của Bộ Y tế</i>)	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Một cửa – UBND cấp huyện	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật hoạt động chữ thập đỏ ngày 03 tháng 6 năm 2008; - Nghị định số 03/2011/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật hoạt động chữ thập đỏ - Thông tư số 17/2014/TT-BYT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc cấp giấy phép hoạt động đối với trạm, điểm sơ cấp cứu chữ thập

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					đỏ và việc huấn luyện sơ cấp cứu chữ thập đỏ
3	Cấp lại Giấy phép hoạt động đối với trạm, điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ khi thay đổi địa điểm (<i>Quyết định số 3106/QĐ-BYT ngày 19/8/2014 của Bộ Y tế</i>)	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Một cửa – UBND cấp huyện	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật hoạt động chữ thập đỏ ngày 03 tháng 6 năm 2008; - Nghị định số 03/2011/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật hoạt động chữ thập đỏ; - Thông tư số 17/2014/TT-BYT ngày 02 tháng 6 năm 2014 quy định việc cấp giấy phép hoạt động đối với trạm, điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ và việc huấn luyện sơ cấp cứu chữ thập đỏ.

C. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
I. LĨNH VỰC DÂN SỐ					
1	Thủ tục xét hưởng chính sách hỗ trợ cho đối tượng sinh con đúng chính sách dân số (<i>Quyết định số 792/QĐ-BYT ngày 04/03/2019 của Bộ Y tế về</i>)	10 ngày kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Một cửa – UBND cấp xã	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Bình đẳng giới năm 2006. - Nghị định số 39/2015/NĐ-CP ngày 27/4/2015 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ cho phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	<i>việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực dân số thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế)</i>				

D. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN TẠI CƠ SỞ KHÁM CHỮA BỆNH VÀ CƠ QUAN KHÁC

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
I. LĨNH VỰC KHÁM CHỮA BỆNH					
1	Thủ tục Cấp giấy chứng sinh cho trường hợp trẻ sinh ra do thực hiện kỹ thuật mang thai hộ (<i>Quyết định số 3297/QĐ-BYT ngày 01/7/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế</i>)	Trước khi trẻ xuất viện	Cơ sở khám chữa bệnh Trung ương và địa phương đã được cấp phép kinh doanh dịch vụ lưu giữ tinh trùng, lưu giữ phôi và mang thai hộ.	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hôn nhân và Gia đình ngày 19/6/2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 10/2015/NĐ-CP ngày 28/01/2015 Quy định về sinh con bằng kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm và Điều kiện mang thai hộ vì Mục đích nhân đạo - Nghị định số 06/2012/NĐ-CP ngày 02/02/2012 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của các Nghị định về hộ tịch, hôn nhân và gia đình và chứng thực; - Thông tư số 34/2015/TT-BYT ngày 27/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung Điều 2 Thông tư số 17/2012/TT-

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					BYT ngày 24/10/2012 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định cấp và sử dụng Giấy chứng sinh
2	Đề nghị thực hiện kỹ thuật mang thai hộ vì mục đích nhân đạo (<i>Quyết định số 3444/QĐ-BYT ngày 05/8/2020 của Bộ Y tế.</i>)	30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	Bệnh viện Phụ sản trung ương; Bệnh viện Đa khoa trung ương Huế; Bệnh viện Từ Dũ và các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đã được Bộ Y tế công nhận	Theo quy định của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh hiện hành	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 23/11/2009; - Luật Hôn nhân và gia đình ngày 19/6/2014; - Nghị định số 10/2015/NĐ-CP ngày 28/01/2015 quy định về sinh con bằng kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm và điều kiện mang thai hộ vì mục đích nhân đạo
3	Đề nghị thực hiện kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm (<i>Quyết định số 3444/QĐ-BYT ngày 05/8/2020 của Bộ Y tế.</i>)	30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	Cơ sở khám chữa bệnh được Bộ Y tế công nhận.	Theo quy định của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh hiện hành	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 23/11/2009; - Luật Hôn nhân và gia đình ngày 19/6/2014; - Nghị định số 10/2015/NĐ-CP ngày 28/01/2015 quy định về sinh con bằng kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm và điều kiện mang thai hộ vì mục đích nhân đạo
4	Đề nghị được thực hiện kỹ thuật xác định lại giới tính đối với người đủ 16 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi (<i>Quyết định số 4690/QĐ-BYT ngày 04/11/2015 của Bộ Y tế</i>)	15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	Cơ sở khám chữa bệnh được phép can thiệp y tế để xác định giới tính.	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 88/2008/NĐ-CP ngày 05/8/2008 của Chính phủ về xác định lại giới tính. Có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo - Thông tư số 29/2010/TT-BYT ngày 24/5/2010 của Bộ Y tế Hướng dẫn thi hành một số điều Nghị định số 88/2008/NĐ-CP

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					ngày 05/8/2008 của Chính phủ về xác định lại giới tính. Có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo
5	Đề nghị được thực hiện kỹ thuật xác định lại giới tính đối với người đủ 18 tuổi trở lên (<i>Quyết định số 4690/QĐ-BYT ngày 04/11/2015 của Bộ Y tế</i>)	15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	Cơ sở khám chữa bệnh được phép can thiệp y tế để xác định giới tính.	Không	- Nghị định số 88/2008/NĐ-CP ngày 05/8/2008 của Chính phủ về xác định lại giới tính. Có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo - Thông tư số 29/2010/TT-BYT ngày 24/5/2010 của Bộ Y tế Hướng dẫn thi hành một số điều Nghị định số 88/2008/NĐ-CP ngày 05/8/2008 của Chính phủ về xác định lại giới tính. Có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo
6	Đề nghị được thực hiện kỹ thuật xác định lại giới tính đối với người chưa đủ 16 tuổi (<i>Quyết định số 4690/QĐ-BYT ngày 04/11/2015 của Bộ Y tế</i>)	15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	Cơ sở khám chữa bệnh được phép can thiệp y tế để xác định giới tính.	Không	- Nghị định số 88/2008/NĐ-CP ngày 05/8/2008 của Chính phủ về xác định lại giới tính. Có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo - Thông tư số 29/2010/TT-BYT ngày 24/5/2010 của Bộ Y tế Hướng dẫn thi hành một số điều Nghị định số 88/2008/NĐ-CP ngày 05/8/2008 của Chính phủ về xác định lại giới tính. Có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo
7	Cấp Giấy khám sức khỏe cho người lái xe. (<i>Quyết</i>	- Đối với trường hợp KSK đơn lẻ:	Cơ sở khám chữa bệnh	Nộp phí theo mức	- Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13/11/2008;

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	<i>định số 4759/QĐ-BYT ngày 09/11/2015 của Bộ Y tế.)</i>	<p>cơ sở KSK trả Giấy KSK, sổ KSK định kỳ cho người được KSK trong vòng 24 (hai mươi tư) giờ kể từ khi kết thúc việc KSK, trừ những trường hợp phải khám hoặc xét nghiệm bổ sung theo yêu cầu của người thực hiện KSK;</p> <p>- Đối với trường hợp KSK tập thể theo hợp đồng: cơ sở KSK trả Giấy KSK, sổ KSK định kỳ cho người được KSK theo thỏa thuận đã ghi trong hợp đồng</p>		phí thu viện phí hiện hành	<p>- Nghị định số 63/2012/NĐ-CP ngày 31/8/2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;</p> <p>- Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20/12/2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;</p> <p>- Thông tư số 14/2013/TT-BYT ngày 06/5/2013 của Bộ Y tế về hướng dẫn khám sức khỏe;</p> <p>- Thông tư liên tịch số 24/2015/TTLT-BYT-BGTVT ngày 21/8/2015 của Bộ Y tế và Bộ Giao thông vận tải về Quy định về tiêu chuẩn sức khỏe của người lái xe, việc khám sức khỏe định kỳ đối với người lái xe ô tô và quy định về cơ sở y tế khám sức khỏe cho người lái xe</p>
8	Khám sức khỏe định kỳ của người lái xe ô tô (<i>Quyết định số 4759/QĐ-BYT ngày</i>	20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Các cơ sở khám chữa bệnh Trung ương và địa phương	Nộp phí theo mức phí thu	<p>-Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13/11/2008;</p> <p>- Nghị định số 63/2012/NĐ-CP ngày</p>

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	09/11/2015 của Bộ Y tế.)			viện phí hiện hành	<p>31/8/2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;</p> <p>- Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20/12/2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;</p> <p>- Thông tư số 14/2013/TT-BYT ngày 06/5/2013 của Bộ Y tế về hướng dẫn khám sức khỏe;</p> <p>- Thông tư liên tịch số 24/2015/TTLT-BYT-BGTVT ngày 21/8/2015 của Bộ Y tế và Bộ Giao thông vận tải về Quy định về tiêu chuẩn sức khỏe của người lái xe, việc khám sức khỏe định kỳ đối với người lái xe ô tô và quy định về cơ sở y tế khám sức khỏe cho người lái xe</p>
9	Cấp Giấy khám sức khỏe cho người từ đủ 18 tuổi trở lên (Quyết định số 4692/QĐ-BYT ngày 4/11/2015 của Bộ Y tế)	- Đối với trường hợp KSK đơn lẻ: cơ sở KSK trả Giấy KSK, Sổ KSK định kỳ cho người được KSK trong vòng 24 (hai mươi tư) giờ kể từ khi kết thúc	Các cơ sở khám chữa bệnh Trung ương và địa phương	Nộp phí theo mức phí thu viện phí hiện hành	<p>- Luật khám bệnh, chữa bệnh ngày 23/11/2009;</p> <p>- Bộ luật lao động ngày 18/6/2012;</p> <p>- Luật người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng ngày 29/11/2006</p> <p>- Nghị định số 06/CP ngày 20/01/1995 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của</p>

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		<p>việc KSK, trừ những trường hợp phải khám hoặc xét nghiệm bổ sung theo yêu cầu của người thực hiện KSK;</p> <p>- Đối với trường hợp KSK tập thể theo hợp đồng: cơ sở KSK trả Giấy KSK, Sổ KSK định kỳ cho người được KSK theo thỏa thuận đã ghi trong hợp đồng</p>			<p>Bộ luật lao động về an toàn lao động, vệ sinh lao động và Nghị định số 110/2002/NĐ-CP ngày 27/12/2002 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/CP ngày 20/01/1995 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật lao động về an toàn lao động, vệ sinh lao động;</p> <p>- Nghị định số 126/2007/NĐ-CP ngày 01/08/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng;</p> <p>- Nghị định số 34/2008/NĐ-CP ngày 25/3/2008 của Chính phủ quy định về tuyển dụng và quản lý người nước ngoài làm việc tại Việt Nam và Nghị định số 46/2011/NĐ-CP ngày 17/6/2011 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2008/NĐ-CP ngày 25/3/2008 của Chính phủ quy định về tuyển dụng và quản lý người nước ngoài làm việc tại Việt Nam;</p> <p>- Thông tư số 14/2013/TT-BYT ngày 06/5/2013 của Bộ Y tế.</p>
10	Cấp Giấy khám sức khỏe cho người chưa đủ 18 tuổi	- Đối với trường hợp KSK đơn lẻ:	Các cơ sở khám chữa bệnh Trung ương và	Nộp phí theo mức	- Luật khám bệnh, chữa bệnh ngày 23/11/2009;

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	<i>(Quyết định số 4692/QĐ-BYT ngày 4/11/2015 của Bộ Y tế)</i>	<p>ơ sở KSK trả Giấy KSK, Sổ KSK định kỳ cho người được KSK trong vòng 24 (hai mươi tư) giờ kể từ khi kết thúc việc KSK, trừ những trường hợp phải khám hoặc xét nghiệm bổ sung theo yêu cầu của người thực hiện KSK;</p> <p>- Đối với trường hợp KSK tập thể theo hợp đồng: cơ sở KSK trả Giấy KSK, Sổ KSK định kỳ cho người được KSK theo thỏa thuận đã ghi trong hợp đồng</p>	địa phương	phí thu viên phí hiện hành	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ luật lao động ngày 18/6/2012; - Luật người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng ngày 29/11/2006 - Nghị định số 06/CP ngày 20/01/1995 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật lao động về an toàn lao động, vệ sinh lao động và Nghị định số 110/2002/NĐ-CP ngày 27/12/2002 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/CP ngày 20/01/1995 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật lao động về an toàn lao động, vệ sinh lao động; - Nghị định số 126/2007/NĐ-CP ngày 01/08/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; - Nghị định số 34/2008/NĐ-CP ngày 25/3/2008 của Chính phủ quy định về tuyển dụng và quản lý người nước ngoài làm việc tại Việt Nam và Nghị định số 46/2011/NĐ-CP ngày 17/6/2011 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2008/NĐ-CP ngày 25/3/2008 của Chính phủ quy định về

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					tuyên dụng và quản lý người nước ngoài làm việc tại Việt Nam; - Thông tư số 14/2013/TT-BYT ngày 06/5/2013 của Bộ Y tế.
11	Cấp giấy khám sức khỏe cho người người mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có năng lực hành vi dân sự hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự. <i>(Quyết định số 4692/QĐ-BYT ngày 4/11/2015 của Bộ Y tế)</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Đối với trường hợp KSK đơn lẻ: cơ sở KSK trả Giấy KSK, Sổ KSK định kỳ cho người được KSK trong vòng 24 (hai mươi tư) giờ kể từ khi kết thúc việc KSK, trừ những trường hợp phải khám hoặc xét nghiệm bổ sung theo yêu cầu của người thực hiện KSK; - Đối với trường hợp KSK tập thể theo hợp đồng: cơ sở KSK trả Giấy KSK, Sổ KSK định kỳ cho người 	Các cơ sở khám chữa bệnh Trung ương và địa phương	Nộp phí theo giá dịch vụ KBCB đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 23/11/2009; - Bộ luật Lao động ngày 18/6/2012; - Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng ngày 29/11/2006 - Nghị định số 06/CP ngày 20/01/1995 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật lao động về an toàn lao động, vệ sinh lao động và Nghị định số 110/2002/NĐ-CP ngày 27/12/2002 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/CP ngày 20/01/1995 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật lao động về an toàn lao động, vệ sinh lao động; - Nghị định số 126/2007/NĐ-CP ngày 01/08/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng;

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		được KSK theo thỏa thuận đã ghi trong hợp đồng			<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 34/2008/NĐ-CP ngày 25/3/2008 của Chính phủ quy định về tuyển dụng và quản lý người nước ngoài làm việc tại Việt Nam và Nghị định số 46/2011/NĐ-CP ngày 17/6/2011 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2008/NĐ-CP ngày 25/3/2008 của Chính phủ quy định về tuyển dụng và quản lý người nước ngoài làm việc tại Việt Nam; - Thông tư số 14/2013/TT-BYT ngày 06/5/2013 của Bộ Y tế.
II. LĨNH VỰC Y TẾ DỰ PHÒNG					
1	Thủ tục Chuyển tiếp điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện đối với người nghiện chất dạng thuốc phiện ngoài cộng đồng (<i>Quyết định số 7678/QĐ-BYT ngày 30/12/2016 của Bộ Y tế</i>)	Ngay sau khi nhận được hồ sơ	Cơ sở điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật số 64/2006/QH11 ngày 29/6/2006 về phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS). - Nghị định số 90/2016/ND-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế.
2	Thủ tục Chuyển tiếp điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện đối với người nghiện chất dạng thuốc phiện giữa các cơ sở quản lý (<i>Quyết</i>	Ngay sau khi nhận được hồ sơ	Cơ sở điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật số 64/2006/QH11 ngày 29/6/2006 về phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS). - Nghị định số 90/2016/ND-CP ngày

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	<i>định số 7678/QĐ-BYT ngày 30/12/2016 của Bộ Y tế)</i>				01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế.
3	Thủ tục Chuyển tiếp điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện cho người nghiện chất dạng thuốc phiện được trở về cộng đồng từ cơ sở quản lý (<i>Quyết định số 7678/QĐ-BYT ngày 30/12/2016 của Bộ Y tế</i>)	Ngay sau khi nhận được hồ sơ	Cơ sở điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế	Không	- Luật số 64/2006/QH11 ngày 29/6/2006 về phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS). - Nghị định số 90/2016/ND-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế.
4	Thủ tục Đăng ký tham gia điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện đối với người nghiện chất dạng thuốc phiện đang cư trú tại cộng (<i>Quyết định số 7678/QĐ-BYT ngày 30/12/2016 của Bộ Y tế</i>)	Ngay sau khi nhận được Đơn đăng ký của đối tượng đăng ký tham gia điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện	Cơ sở điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện	Không	- Luật số 64/2006/QH11 ngày 29/6/2006 về phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS). - Nghị định số 90/2016/ND-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế.
5	Thủ tục Đăng ký tham gia điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện đối với người nghiện chất dạng thuốc phiện trong các cơ sở trại giam, trại tạm giam, cơ sở	Ngay sau khi nhận được Đơn đăng ký của đối tượng đăng ký tham gia điều trị nghiện chất dạng	Cơ sở điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện	Không	- Luật số 64/2006/QH11 ngày 29/6/2006 về phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS). - Nghị định số 90/2016/ND-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng (<i>Quyết định số 7678/QĐ-BYT ngày 30/12/2016 của Bộ Y tế</i>)	thuốc phiện			trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế.
6	Thủ tục Cấp phát thuốc Methadone cho người bệnh điều trị đặc biệt tại cơ sở khám, chữa bệnh (<i>Quyết định số 4308/QĐ-BYT ngày 19 tháng 10 năm 2015 của Bộ Y tế.</i>)	Ngay sau khi tiếp nhận đơn đề nghị uống thuốc Methadone tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của người bệnh	Cơ sở điều trị Methadone	Không	- Luật dược ngày 14 tháng 6 năm 2005; - Nghị định số 96/2012/NĐ-CP ngày 15/11/2012 của Chính phủ quy định về điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế; - Thông tư số 14/2015/TT-BYT ngày 25/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế về quản lý thuốc Methadone.
7	Thủ tục Cấp phát thuốc Methadone cho người bệnh điều trị đặc biệt tại nhà (<i>Quyết định số 4308/QĐ-BYT ngày 19 tháng 10 năm 2015 của Bộ Y tế.</i>)	Ngay sau khi tiếp nhận đơn đề nghị uống thuốc Methadone tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của người bệnh	Cơ sở điều trị Methadone	Không	- Luật dược ngày 14 tháng 6 năm 2005; - Nghị định số 96/2012/NĐ-CP ngày 15/11/2012 của Chính phủ quy định về điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế; - Thông tư số 14/2015/TT-BYT ngày 25/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế về quản lý thuốc Methadone